

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI QUA CÁC THỜI KỲ

(Kỳ II: ngày 01/8/2023)

2. Từ năm 1954 đến 1975:

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7- 5- 1954), miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bước vào xây dựng CNXH. Ở miền Nam đế quốc Mỹ đã nhảy vào đặt ách cai trị bằng chủ nghĩa thực dân mới. trong thời kỳ này hình thành hai hệ thống chính sách pháp luật về đất đai ở hai miền Nam, Bắc.

2.1. Chính sách, pháp luật đất đai ở miền Bắc:

2.1.1 Đối với sở hữu của HTX và xã viên HTX nông nghiệp.

Trong giai đoạn này ở miền Bắc tiến hành đồng thời 2 nhiệm vụ: Xây dựng chủ nghĩa xã hội, chi viện sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và nguy quyền Sài Gòn, thống nhất đất nước.

Trong giai đoạn này có 02 bản Hiến pháp đó là:

- Hiến pháp năm 1946, tại Điều thứ 12 quy định: Quyền tư hữu tài sản của công dân Việt Nam được bảo đảm.

- Hiến pháp năm 1960, có 09 điều , từ điều 11 đến điều 20 quy định về chế độ sở hữu; theo đó quy định:

+ Ở nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trong thời kỳ quá độ, các hình thức sở hữu chủ yếu về tư liệu sản xuất hiện nay là: hình thức sở hữu của Nhà nước tức là của toàn dân, hình thức sở hữu của hợp tác xã tức là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, hình thức sở hữu của người lao động riêng lẻ, và hình thức sở hữu của nhà tư sản dân tộc.

+ Các hầm mỏ, sông ngòi, và những rừng cây, đất hoang, tài nguyên khác mà pháp luật quy định là của Nhà nước, đều thuộc sở hữu của toàn dân.

+ Kinh tế hợp tác xã thuộc hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động.

Nhà nước đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ sự phát triển của kinh tế hợp tác xã.

+ Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền sở hữu về ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác của nông dân.

+ Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của nhà tư sản dân tộc.

+ Chỉ khi nào cần thiết vì lợi ích chung, Nhà nước mới trưng mua, hoặc trưng dụng, trưng thu có bồi thường thích đáng các tư liệu sản xuất ở thành thị và nông thôn, trong phạm vi và điều kiện do pháp luật quy định.

Những văn bản quy định về chính sách đất đai giai đoạn này không nhiều. chủ yếu là các nghị định của Chính phủ, thông tư của Thủ tướng Chính phủ; nổi bật là các văn bản sau.

(1). Nghị định Số 151-TTg ngày 14 tháng 04 năm 1959 của Hội đồng Chính phủ quy định tạm thời về trưng dụng ruộng đất.

(2). Số: 48-TTg ngày 03 tháng 06 năm 1963 của Thủ tướng Chính phủ về chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật bảo đảm quyền sở hữu về tư liệu sản xuất ở nông thôn.

(3). Thông tư số 73-TTg ngày 07 tháng 7 năm 1962 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý đất cho thuê của tư nhân, đất vắng chủ và đất bỏ hoang ở nội thành, nội thị.

(4). Thông tư số 10-TTg ngày 04 tháng 2 năm 1963 của Thủ tướng Chính phủ giải thích Thông tư số 73-TT ngày 07 tháng 7 năm 1962 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý đất cho thuê của tư nhân, đất vắng chủ và đất bỏ hoang ở nội thành, nội thị.

(5). Điều lệ tóm tắt HTX nông nghiệp bậc cao được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 28 tháng 4 năm 1969.

(6). Nghị định 47/CP ngày 15 tháng 3 năm 1972 của Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về lựa chọn địa điểm công trình và quản lý đất xây dựng.

a. Về chế độ sở hữu đất đai.

a.1 Từ năm 1949(từ khi thực hiện Nghị định 151 năm 1959) đến trước khi thực hiện phong trào hợp tác hóa.

- Theo Hiến pháp năm 1946 và Luật cải cách ruộng đất năm 1953 thì hầu hết ruộng đất các hộ được chia trong cải cách ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân, bao gồm cả đất thổ cư và đất canh tác. Hộ gia đình, cá nhân được Ủy ban hành chính tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất.

a.2. Từ khi thực hiện phong trào hợp tác hóa theo mô hình HTX bậc thấp(từ 1959 đến đầu những năm 1970).

Ở nông thôn miền Bắc quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã giữ địa vị thống trị với hai hình thức sở hữu: sở hữu của Nhà nước tức là của toàn dân và sở hữu của hợp tác xã tức là của tập thể nông dân lao động. Bên cạnh hai hình thức sở hữu chủ yếu đó, còn một bộ phận nhỏ tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của xã viên hợp tác xã và của nông dân lao động chưa vào hợp tác xã (quen gọi là hộ cá thể).

Về chế độ sở hữu ruộng đất được quy định bởi Hiến Pháp năm 1946, Nghị định 151 năm 1959 và Thông tư 48 năm 1963 như sau:

Đối với HTX:

Những tư liệu sản xuất thuộc sở hữu chung của hợp tác xã (sở hữu tập thể) là:

- Những ruộng đất, ao hồ, cây lâu năm, cơ sở sản xuất mà hợp tác xã đã công hữu hóa, mua lại của xã viên, mua sắm thêm hoặc do hợp tác xã tự làm ra.

- Sông ngòi, bãi biển, rừng núi, đất hoang thuộc sở hữu của Nhà nước, được Ủy ban hành chính địa phương hoặc cơ quan Nhà nước ở trung ương có thẩm quyền cho phép sử dụng.

Khi cần dùng ruộng đất của hợp tác xã để thực hiện những công trình do Nhà nước quản lý, các cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước phải bàn bạc với hợp tác xã, và đền bù với giá cả thích đáng theo đúng những nguyên tắc và thủ tục đã quy định trong Nghị định số 151-TTg ngày 14-4-1959 về thể lệ tạm thời trưng dụng ruộng đất.

Khi có điều kiện và cần thiết phải hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã lớn để sử dụng hợp lý ruộng đất, Những ruộng đất đã đưa vào hợp tác xã, những trâu bò, nông cụ đã công hữu hóa hoặc mua lại của xã viên trong các hợp tác xã nhỏ thì khi hợp nhất, hợp tác xã lớn sẽ thống nhất kinh doanh và phân phối.

- Đối với các hộ xã viên HTX:

Điều lệ mẫu hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã quy định nguyên tắc là khi xã viên vào hợp tác xã bậc thấp, thì vẫn giữ quyền sở hữu về những ruộng đất, trâu bò cày, nông cụ đem vào hợp tác xã.

Những tư liệu sản xuất chủ yếu nói trên thuộc quyền sở hữu của xã viên, nhưng do hợp tác xã thống nhất quản lý sử dụng. Khi xã viên ra hợp tác xã, thì hợp tác xã phải trả lại những thứ đó cho xã viên để họ tiếp tục sản xuất.

Ngoài những ruộng đất, trâu bò cày, nông cụ đã đưa vào hợp tác xã, nhưng tư liệu sản xuất khác còn lại vẫn thuộc quyền sở hữu hoàn toàn của xã viên và xã viên có quyền định đoạt, sử dụng và hưởng thụ hoa lợi về những thứ đó.

Khi có đủ điều kiện và xã viên tự nguyện *chuyển hợp tác xã bậc thấp lên bậc cao* theo quyết nghị của đại hội xã viên, được Ủy ban hành chính huyện xét duyệt, thì giải quyết việc công hữu hóa hoặc mua lại các tư liệu sản xuất của xã viên như sau:

- Trong hợp tác xã bậc cao, ruộng đất và ao hồ lớn của xã viên được công hữu hóa và chuyển thành sở hữu của hợp tác xã.

- Đối với những vườn cây lâu năm tương đối lớn của xã viên đã có trước khi vào hợp tác xã, nếu hợp tác xã đã có kinh nghiệm chăm sóc và có điều kiện tổ chức kinh doanh tốt và được xã viên thật sự tự nguyện nhường lại thì hợp tác xã sẽ mua lại và trả tiền dần theo sự thỏa thuận giữa hợp tác xã và xã viên.

- Ruộng đất do xã viên mới khai hoang thêm để làm riêng sau khi vào hợp tác xã, vẫn thuộc quyền sử dụng của xã viên.

- *Đất để lại 5%, những hồ ao, những vườn cây nhỏ xung quanh nhà*, theo điều lệ mẫu vẫn để lại cho xã viên, thì hiện nay và sau này hợp tác xã đều không công hữu hóa và thuộc quyền sở hữu của xã viên.

Những tư liệu sản xuất mà hợp tác xã đã công hữu hóa hoặc mua lại của xã viên đều là tài sản chung của hợp tác xã. Vì vậy khi xã viên ra hợp tác xã, thì về nguyên tắc sẽ không đem theo những tư liệu sản xuất mà hợp tác xã đã công hữu hóa hoặc mua lại.

a.3. Trong những năm thực hiện điều lệ mẫu HTX nông nghiệp bậc cao.

Xã viên phải góp ruộng đất, đóng cổ phần, để lại trâu, bò và các nông cụ chủ yếu (như cày, bừa, giếng nước v.v...) cho hợp tác xã.

Ruộng đất, trâu bò, nông cụ và các của cải khác của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp **đều là của chung của các xã viên**, phải được bảo vệ, quản lý chặt chẽ và sử dụng tốt, chống mọi hành động tham ô, lãng phí hoặc phá hoại, làm tổn hại đến lợi ích chung của hợp tác xã và của xã viên. Xã viên không được chiếm làm của riêng ruộng đất và các của cải khác của hợp tác xã và có nhiệm vụ bảo vệ những thứ đó. Ban quản trị hợp tác xã không được tự ý nhường hoặc bán ruộng đất và các của cải khác của hợp tác xã, và phải báo cáo rõ với xã viên việc Nhà nước mua hoặc sử dụng một phần ruộng đất của hợp tác xã vào việc xây dựng thuộc lợi ích công cộng.

Phần đất 5% để lại cho xã viên khi vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nếu xã viên chủ ruộng đất ấy không cần dùng nữa thì phải giao lại cho hợp tác xã; khi nào cần dùng thì hợp tác xã sẽ trả lại.

Đối với hộ cá thể (nông dân chưa vào HTX):

Theo quy định của Hiến pháp và Thông tư 48 năm 1963 của Thủ tướng Chính phủ thì:

Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu của nông dân chưa vào hợp tác xã đối với tất cả những tư liệu sản xuất mà người đó đã có một cách hợp pháp như những ruộng đất, ao hồ, những nhà ở và công trình xây dựng trên những ruộng đất và ao hồ ấy, những vườn cây, cây lâu năm, những nông cụ và công cụ sản xuất khác trực tiếp hoặc gián tiếp dùng cho sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, mà nông dân đã được chia trong cải cách ruộng đất, hoặc do thừa kế, trao đổi, mua sắm, tặng cho mà có.

Theo quy định của Luật cải cách ruộng đất, nông dân có quyền bán, cho, trao đổi, để lại cho vợ, chồng, con cái và những người thừa kế khác những tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu của mình.

Theo quy định tại điều 17 Hiến pháp và sắc lệnh số 97 ngày 22-5-1950, mỗi người nông dân chưa vào hợp tác xã có quyền sử dụng các tư liệu sản xuất của mình.

Riêng đối với ruộng đất thì các việc chuyển dịch đều phải do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng nhận; người có quyền sở hữu ruộng đất có quyền để lại cho người thừa kế; trao đổi ruộng đất khác, hoặc nhường cho người khác, các việc chuyển dịch ấy đều phải viết thành giấy tờ trình Ủy ban hành chính xã chứng nhận và ghi vào sổ ruộng đất của xã.

Việc trao đổi ruộng đất giữa các hợp tác xã và nông dân vào hợp tác xã cũng phải làm theo nguyên tắc và thủ tục chung, trên cơ sở hai bên thương lượng và thỏa thuận

với nhau, không được dùng mệnh lệnh cưỡng ép để buộc nông dân chưa vào hợp tác xã đổi ruộng cho hợp tác xã.

Khi cần dùng ruộng đất của nông dân chưa vào hợp tác xã để thực hiện những công trình do Nhà nước quản lý thì các cơ quan, xí nghiệp phải bàn bạc với người có ruộng đất, và đền bù với giá cả thích đáng theo những nguyên tắc và thủ tục đã quy định trong Nghị định số 151-TTg ngày 14 tháng 4 năm 1959.

* Tuy nhiên, trong những năm từ 1969 đến 1980, những khuyết điểm, tồn tại của cơ chế quản lý hành chính, quan liêu bao cấp trong các HTX nông nghiệp ngày càng trầm trọng; nhất là tình trạng chiếm đất của HTX làm của riêng càng ngày càng phổ biến, nhiều nơi nghiêm trọng, nên Ban bí thư trung ương Đảng đã ra nghị quyết 288 về tổng điều tra xử lý tình trạng lấn chiếm đất đai; Thủ tướng chính phủ ban hành Thông tư 169 về tổng điều tra đất đai, các địa phương ở miền Bắc đều tiến hành đo đạc lại ruộng đất lập bản đồ giải thửa làm căn cứ quản lý đất đai.

(Mời các bạn theo dõi và đón đọc kỳ tiếp theo vào thứ ba, ngày 15/8/2023)